

CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**



CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán	3
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 - DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 - DN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 - DN)	8

CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

Đăng ký lần đầu số 3603000168 ngày 3 tháng 5 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 25 tháng 8 năm 2009.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các lần sửa đổi sau đó do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Yên cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Huỳnh Tấn Nam	Chủ tịch
Ông Đỗ Quang Hoàn	Thành viên
Ông Phạm Văn Tân	Thành viên
Ông Nguyễn Miên Tuấn	Thành viên
Ông Choo Yan Ho	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Huỳnh Tấn Nam	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Quang Hoàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Niên	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Mỹ Khang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Tấn Lực	Phó Tổng Giám đốc
Ông Wolfram Heinisch	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Ông Huỳnh Tấn Nam	Tổng Giám đốc
-------------------	---------------

Trụ sở chính

166-170 Nguyễn Huệ, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

Kiểm toán viên

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)

CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

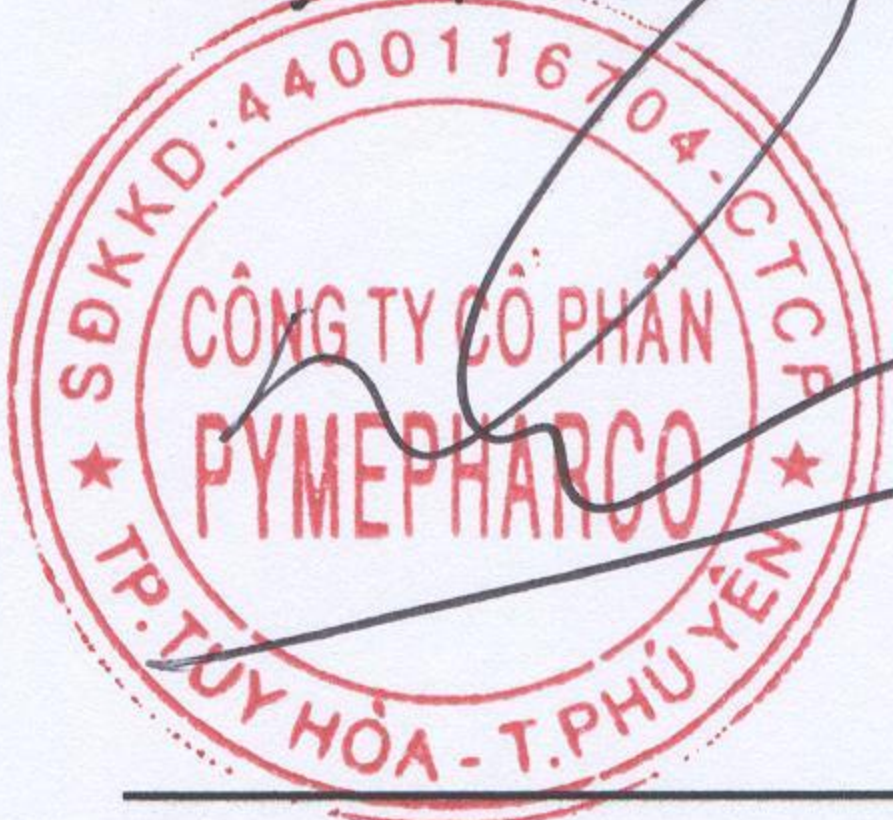
- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- soạn lập các báo cáo tài chính trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở soạn lập các báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai phạm khác.

PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 32. Các báo cáo tài chính này trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam.

Thay mặt Ban Giám đốc



Huỳnh Tấn Nam
Tổng Giám đốc

Tỉnh Phú Yên, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 14 tháng 3 năm 2012



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Pymepharco (“Công ty”) được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt ngày 14 tháng 3 năm 2012. Các báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 32.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với các báo cáo tài chính

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để các báo cáo tài chính không bị sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ vào việc kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực đó yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các tiêu chí đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng liệu các báo cáo tài chính có sai phạm trọng yếu hay không.


Cuộc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục kiểm toán nhằm thu được các bằng chứng về các số liệu và thuyết minh trong các báo cáo tài chính. Những thủ tục kiểm toán được chọn lựa phụ thuộc vào xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm cả việc đánh giá các rủi ro sai phạm trọng yếu của các báo cáo tài chính do gian lận hoặc sai sót. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro đó, kiểm toán viên xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc đơn vị soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để thiết lập các thủ tục kiểm toán thích hợp cho từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán mà Ban Giám đốc đã thực hiện, cũng như đánh giá cách trình bày tổng thể các báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu được đủ và thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

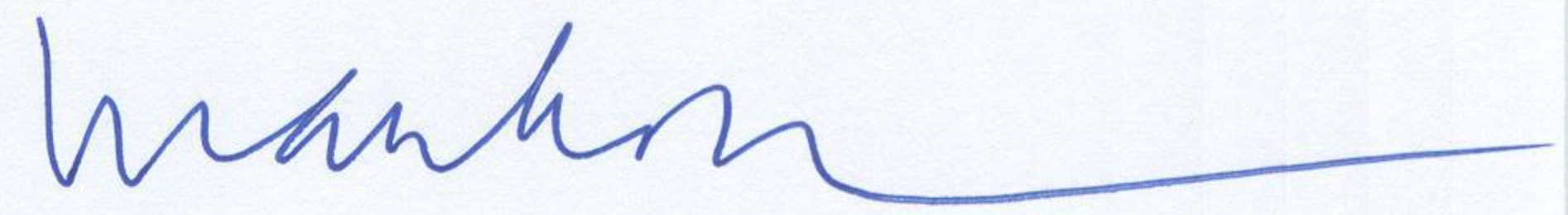
Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, các báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam.




Quách Thành Châu
Số chứng chỉ KTV: N.0875/KTV
Phó Tổng Giám đốc
Chữ ký được ủy quyền

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)
TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số HCM3061
Ngày 14 tháng 3 năm 2012



Lê Văn Hòa
Số chứng chỉ KTV: N.0248/KTV

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 của các báo cáo tài chính, các báo cáo tài chính kèm theo là không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

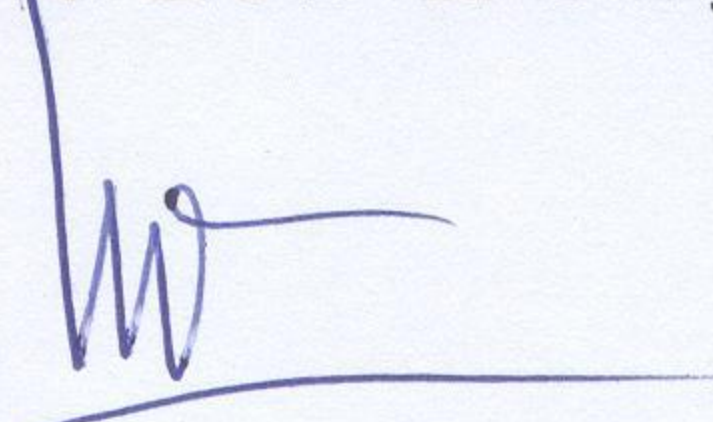
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12	
			2011 VNĐ	2010 VNĐ
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		610.954.451.564	511.844.617.258
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	7.033.880.977	2.127.349.975
111	Tiền		7.033.880.977	2.127.349.975
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		340.270.109.090	255.492.791.537
131	Phải thu khách hàng	4	315.420.045.025	247.412.110.960
132	Trả trước cho người bán		13.639.621.806	8.260.405.560
135	Các khoản phải thu khác	5	13.436.055.977	1.178.887.931
139	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	4	(2.225.613.718)	(1.358.612.914)
140	Hàng tồn kho	6	245.035.133.831	230.402.292.148
141	Hàng tồn kho		246.464.514.150	231.178.111.281
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.429.380.319)	(775.819.133)
150	Tài sản ngắn hạn khác		18.615.327.666	23.822.183.598
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	7	3.128.061.101	3.271.035.032
152	Thuế GTGT được khấu trừ		2.409.632.469	1.918.706.842
158	Tài sản ngắn hạn khác	8	13.077.634.096	18.632.441.724
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		238.873.314.292	244.021.480.342
220	Tài sản cố định		230.544.848.072	235.758.703.264
221	Tài sản cố định hữu hình	9(a)	191.738.304.999	191.809.305.119
222	Nguyên giá		295.814.189.822	268.817.761.835
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(104.075.884.823)	(77.008.456.716)
227	Tài sản cố định vô hình	9(b)	29.747.555.885	29.762.986.637
228	Nguyên giá		31.472.723.990	31.472.723.990
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.725.168.105)	(1.709.737.353)
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9(c)	9.058.987.188	14.186.411.508
250	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		6.891.400.000	7.191.400.000
252	Đầu tư vào công ty liên kết	10	5.472.000.000	5.472.000.000
258	Đầu tư dài hạn khác	11	1.419.400.000	1.719.400.000
260	Tài sản dài hạn khác		1.437.066.220	1.071.377.078
261	Chi phí trả trước dài hạn		962.258.016	562.568.874
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	12	213.443.204	213.443.204
268	Tài sản dài hạn khác		261.365.000	295.365.000
270	TỔNG TÀI SẢN		849.827.765.856	755.866.097.600


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12	
			2011 VNĐ	2010 VNĐ
300	NỢ PHẢI TRẢ		482.428.575.975	442.042.619.077
310	Nợ ngắn hạn		454.496.943.728	373.619.014.357
311	Vay và nợ ngắn hạn	13(a)	287.897.064.109	254.945.585.944
312	Phải trả người bán	14	71.536.944.197	73.190.367.949
313	Người mua trả tiền trước		8.899.815.871	698.303.307
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	18.116.457.502	13.527.092.566
315	Phải trả nhân viên		28.231.801	-
316	Chi phí phải trả	16	10.406.381.555	991.882.072
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	39.864.978.377	24.796.580.542
323	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		17.747.070.316	5.469.201.977
330	Nợ dài hạn		27.931.632.247	68.423.604.720
334	Vay và nợ dài hạn	13(b)	24.472.249.190	65.625.742.436
336	Dự phòng trợ cấp mất việc làm		3.459.383.057	2.797.862.284
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		367.399.189.881	313.823.478.523
410	Vốn chủ sở hữu		367.399.189.881	313.823.478.523
411	Vốn góp của chủ sở hữu	18	85.000.000.000	85.000.000.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	19	150.089.184.816	150.089.184.816
417	Quỹ đầu tư phát triển	19	57.712.777.500	17.234.932.660
418	Quỹ dự phòng tài chính	19	3.400.289.915	1.171.752.199
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	19	71.196.937.650	60.327.608.848
440	TỔNG NGUỒN VỐN		849.827.765.856	755.866.097.600

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

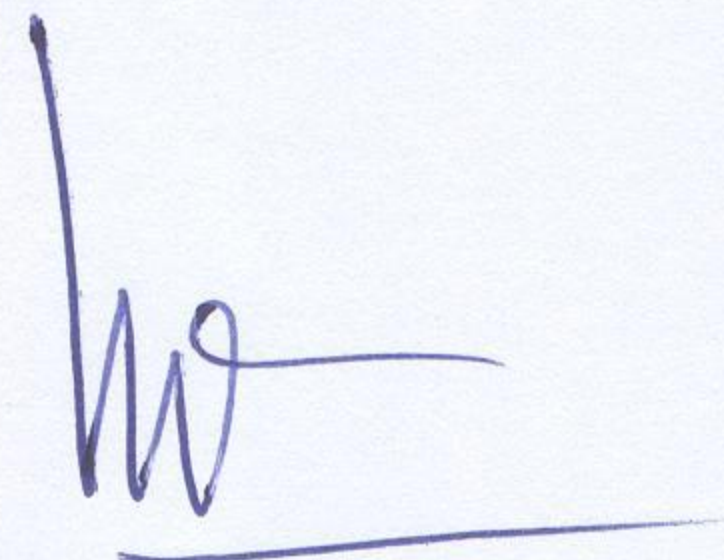
Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ 1.436 đô la Mỹ (2010: 2.547 đô la Mỹ).


Phạm Văn Tân
Kế toán trưởng

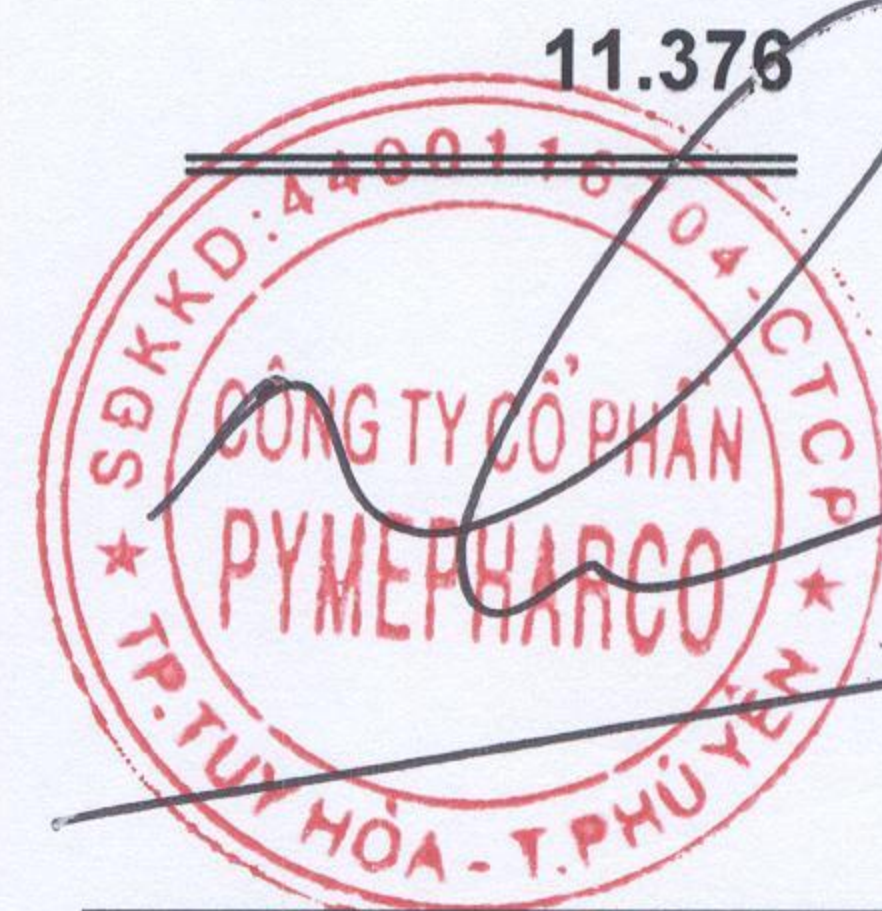

Huỳnh Tấn Nam
Tổng Giám đốc
Ngày 14 tháng 3 năm 2012

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
		31.12.2011 VNĐ	31.12.2010 VNĐ
01	Doanh thu bán hàng	868.061.769.552	792.186.837.777
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(16.827.714.415)	(11.447.049.334)
10	Doanh thu thuần về bán hàng	21(a) 851.234.055.137	780.739.788.443
11	Giá vốn hàng bán	22 (407.262.447.052)	(473.477.940.816)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng	443.971.608.085	307.261.847.627
21	Doanh thu hoạt động tài chính	21(b) 2.118.687.423	3.193.093.952
22	Chi phí tài chính	23 (49.843.118.503)	(46.084.766.631)
24	Chi phí bán hàng	24 (226.238.389.635)	(148.395.978.392)
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25 (34.411.910.765)	(22.488.640.000)
30	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	135.596.876.605	93.485.556.556
40	(Chi phí)/thu nhập khác - số thuần	26 (26.352.927.243)	1.491.744.841
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	109.243.949.362	94.977.301.397
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	27 (12.547.011.712)	(12.380.360.753)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	12, 27 -	(1.019.331.796)
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	96.696.937.650	81.577.608.848
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	20 11.376	9.597



Phạm Văn Tân
Kế toán trưởng



Huỳnh Tấn Nam
Tổng Giám đốc
Ngày 14 tháng 3 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
		31.12.2011 VNĐ	31.12.2010 VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế	109.243.949.362	94.977.301.397
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định	27.082.858.859	23.732.074.581
03	Các khoản dự phòng/(hoàn nhập)	1.520.561.990	(1.471.107.064)
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	23 2.190.681.326	1.971.169.470
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(180.000.000)	(699.760.000)
06	Chi phí lãi vay	23 41.245.162.718	42.932.326.003
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	181.125.259.537	161.442.004.387
09	Tăng các khoản phải thu	(76.416.887.144)	(15.821.919.273)
10	Tăng hàng tồn kho	(15.286.402.869)	(8.474.978.886)
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả	23.300.843.457	(49.093.117.463)
12	(Tăng)/giảm các chi phí trả trước	(256.715.211)	5.067.541.298
13	Lãi vay đã trả	(40.574.724.116)	(43.634.707.348)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả	(9.902.809.467)	(14.161.926.941)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	61.988.564.187	35.322.895.774
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Chi mua sắm, xây dựng TSCĐ	(27.874.811.590)	(34.821.129.483)
25	Chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	(659.288.000)
26	Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	480.000.000	30.000.000
27	Cổ tức và lãi nhận được	1.887.646.047	-
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(25.507.165.543)	(35.450.417.483)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	631.093.938.100	519.569.055.070
34	Chi trả nợ gốc vay	(642.221.228.873)	(503.095.446.776)
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông	(20.371.466.500)	(18.511.767.596)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	(31.498.757.273)	(2.038.159.302)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	4.982.641.371	(2.165.681.011)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	4 2.127.349.975	4.308.848.130
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	(76.110.369)	(15.817.144)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4 7.033.880.977	2.127.349.975

Phạm Văn Tân
Kế toán trưởng

Huỳnh Tấn Nam
Tổng Giám đốc
Ngày 14 tháng 3 năm 2012